

TP Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN QUÝ 1/2026
Số: Q1.HN050626/BKHD/NT-GS

Bên bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
Mã số thuế: 0309391503
Địa chỉ: 12/14/18 Đường 49, Khu phố 69, Phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Đại diện: Nguyễn Bảo Thạch Chức vụ: Phó Giám đốc

Bên mua hàng: CÔNG TY TNHH GS 25 VIETNAM
Mã số thuế: 0314658576
Địa chỉ: 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
Đại diện: Chức vụ:

STT	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Ký hiệu	Diễn giải	Thành tiền trước thuế	Tiền thuế GTGT	Tổng thanh toán
1	12/01/2026	00001909	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128125111231	4.776.010	382.081	5.158.091
2	12/01/2026	00001910	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126120101	3.975.116	318.009	4.293.125
3	12/01/2026	00001911	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126100107	5.277.318	422.185	5.699.503
4	13/01/2026	00002288	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126110108	1.689.502	135.160	1.824.662
5	19/01/2026	00003947	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126100114	7.035.033	562.803	7.597.836
6	19/01/2026	00003948	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126100115	3.266.566	261.325	3.527.891
7	23/01/2026	00005249	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126100121	5.598.940	447.915	6.046.855
8	27/01/2026	00006140	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126100122	1.298.384	103.871	1.402.255
9	30/01/2026	00007283	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126120125	1.778.056	142.244	1.920.300
10	31/01/2026	00007335	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126100128	3.621.960	289.757	3.911.717
11	31/01/2026	00008285	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126100129	2.918.068	233.445	3.151.513
12	10/02/2026	00010644	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126110205	5.312.038	424.963	5.737.001
13	10/02/2026	00010645	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126110204	7.155.042	572.403	7.727.445
14	13/02/2026	00012139	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126120211	1.880.630	150.450	2.031.080
15	14/02/2026	00012185	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126120212 (ĐƠN GIAO 14-2-2026)	1.842.350	147.388	1.989.738
16	28/02/2026	00014548	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126100225	12.236.964	978.957	13.215.921
17	16/03/2026	00019118	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126100304	6.362.332	508.987	6.871.319
18	16/03/2026	00019119	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126110305	2.480.340	198.427	2.678.767
19	16/03/2026	00019120	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126120308	1.725.520	138.042	1.863.562
20	17/03/2026	00019270	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126100311	4.818.580	385.486	5.204.066
21	23/03/2026	00021584	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126110312	2.414.492	193.159	2.607.651

STT	Ngày hóa đơn	Số hóa đơn	Ký hiệu	Diễn giải	Thành tiền trước thuế	Tiền thuế GTGT	Tổng thanh toán
22	23/03/2026	00021585	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126120315	4.056.982	324.559	4.381.541
23	25/03/2026	00022771	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126100318	5.409.570	432.766	5.842.336
24	31/03/2026	00023254	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126110319 GIAO NGÀY 21-3	2.176.018	174.081	2.350.099
25	31/03/2026	00023255	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126120322 (GIAO 24-3)	3.058.374	244.670	3.303.044
26	31/03/2026	00023306	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126100326 (GIAO 28-3)	2.942.942	235.435	3.178.377
27	31/03/2026	00023307	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126100325 (GIAO 27-3)	4.104.424	328.354	4.432.778
28	31/03/2026	00023308	1C26TTN	GS25 WH-HN-SDS-Chilled - WH0026128126120329 (GIAO 31-3)	1.548.194	123.856	1.672.050
Tổng cộng					110.759.745	8.860.778	119.620.523
Chiết khấu thương mại (2%)					2.215.195	177.216	2.392.411
Chiết khấu cho từng cửa hàng (1%)					1.107.597	88.608	1.196.205
Tổng chiết khấu (3%)					3.322.792	265.824	3.588.616

Bảng kê được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản

ĐẠI DIỆN MUA HÀNG
(Ký điện tử/ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÁN HÀNG
(Ký điện tử/ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)